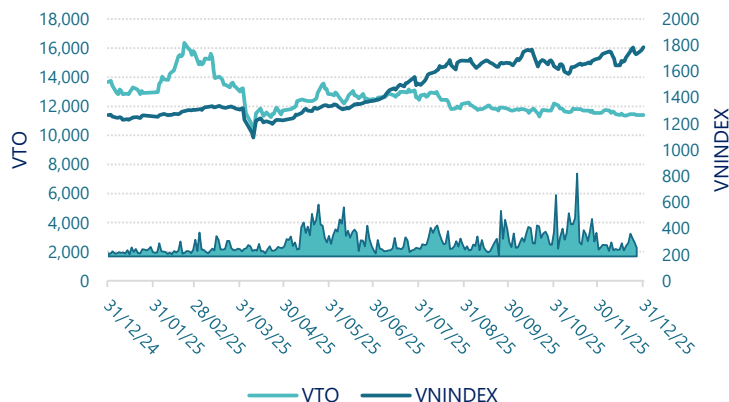




CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (HSX: VTO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,361
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,132
SL cổ phiếu LH	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	156,625
% sở hữu nước ngoài	4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	910
P/E	7.8
EPS	1,468

DT thuần

Q4/25

287

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.0| -4.0%

YoY: ▼7.00| -2.4%

LN sau thuế

Q4/25

39.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.9| 38.8%

YoY: ▲ 6.10| 18.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.3%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2025

1,130

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 1.0%

LN sau thuế

2025

117

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00| 5.8%

ROE

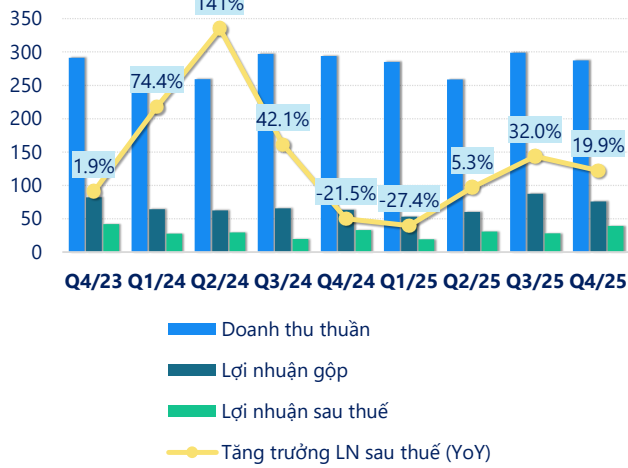
2025

10.0%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

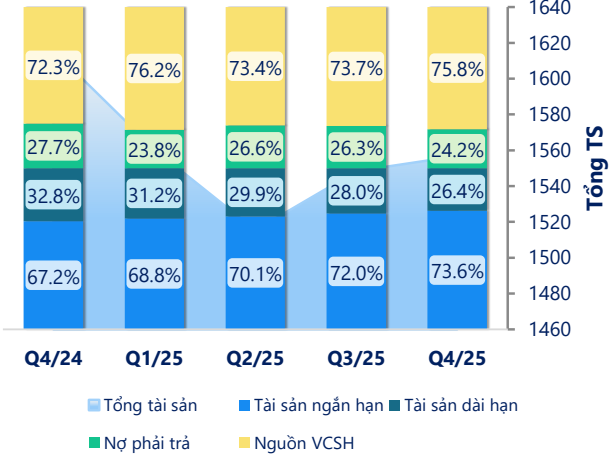
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

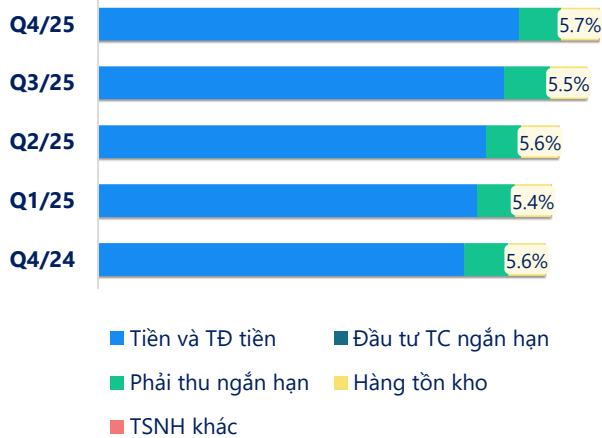
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



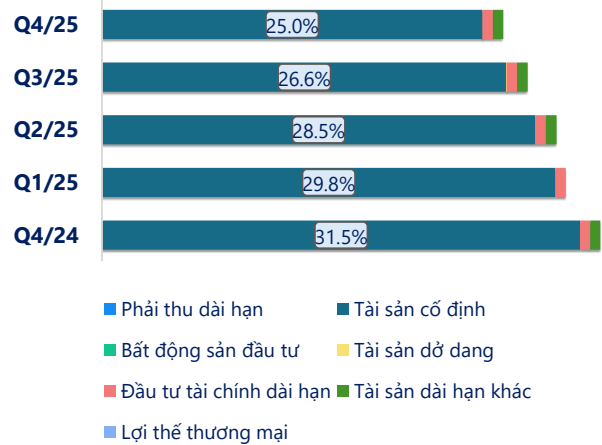
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

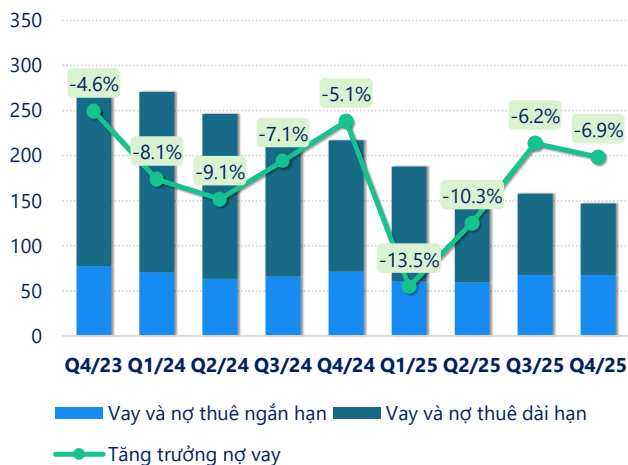
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

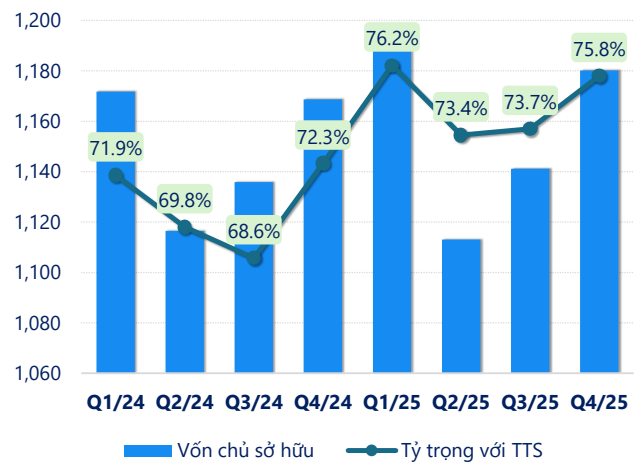
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

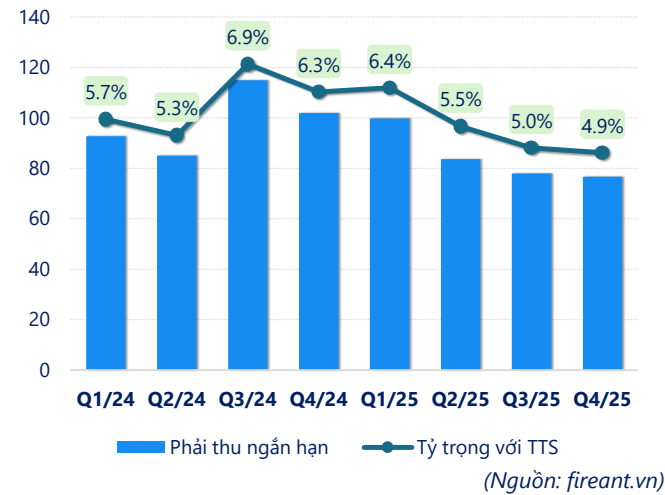
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

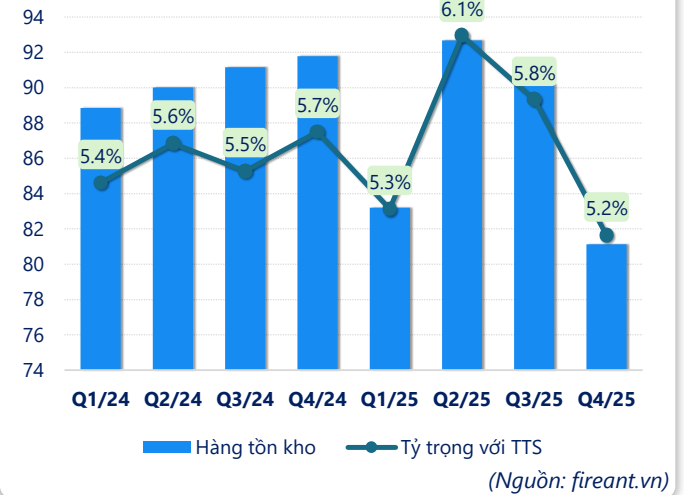


(Nguồn: fireant.vn)

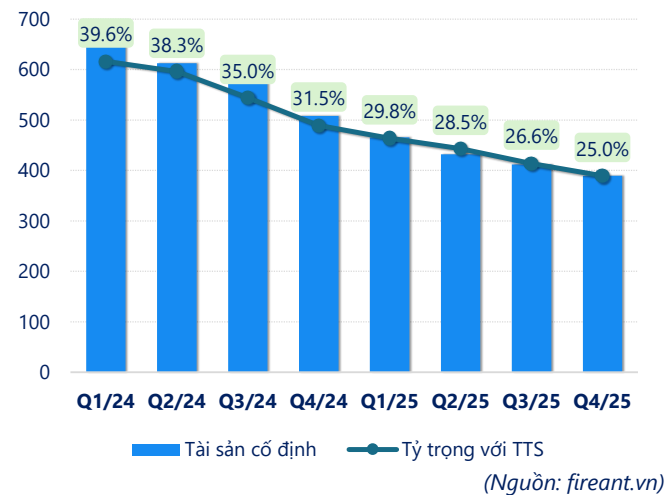
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


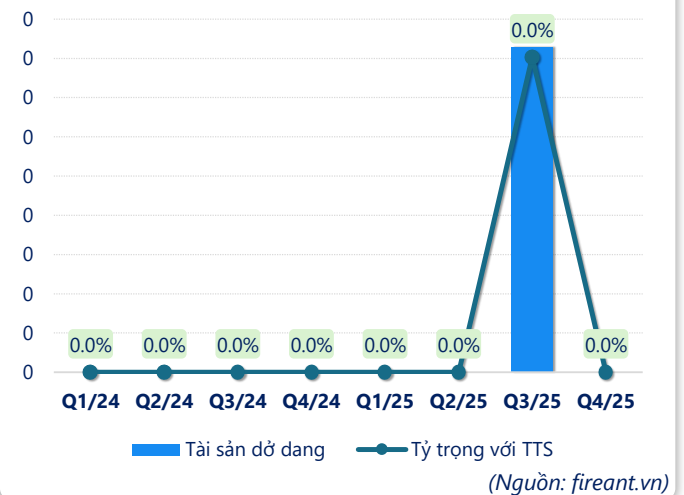
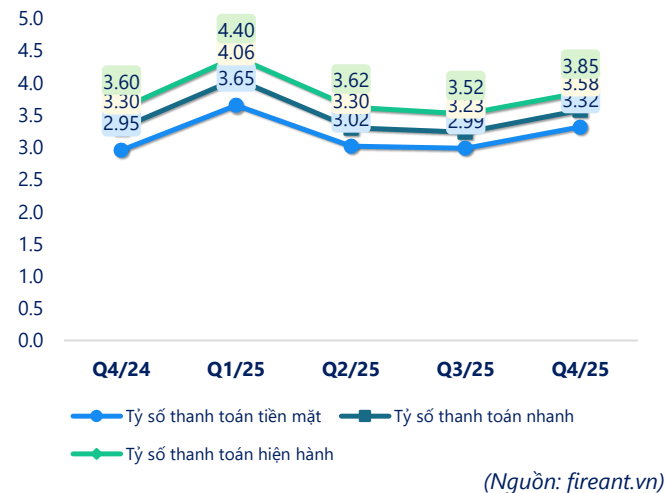
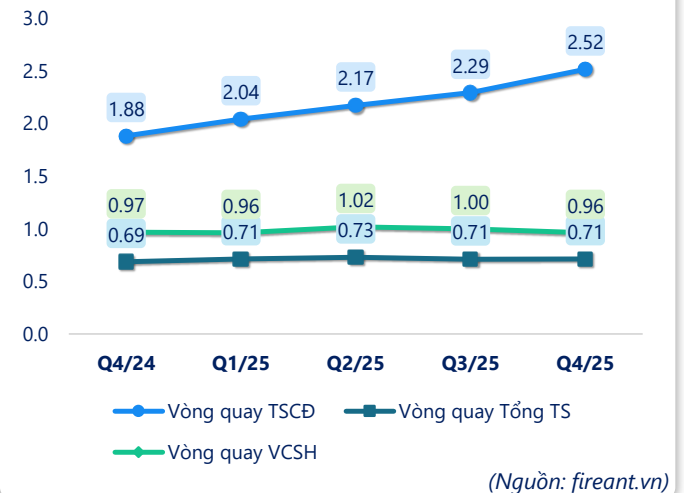
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,616	1,561	1,515	1,548	1,557
Tài sản ngắn hạn	1,086	1,073	1,062	1,115	1,145
Tiền và tương đương tiền	891	890	884	946	986
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	102	99.8	83.7	78.0	76.7
Hàng tồn kho	91.8	83.2	92.7	90.2	81.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	0.09	1.21	0.18	1.20
Tài sản dài hạn	530	487	454	434	411
Phải thu dài hạn	0.27	0.27	0.27	0.27	0.07
Tài sản cố định	508	465	432	412	390
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.04	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.8
Tài sản dài hạn khác	10.8	0	10.8	10.8	10.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	447	371	402	407	377
Nợ ngắn hạn	301	244	293	317	298
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.4	60.5	59.4	67.6	67.8
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	20.8	21.2	12.5	11.1
Nợ dài hạn	146	127	109	90.4	79.2
Vay và nợ thuê dài hạn	146	127	109	90.4	79.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,169	1,189	1,113	1,141	1,180
Vốn chủ sở hữu	1,169	1,189	1,113	1,141	1,180
Vốn điều lệ	799	799	799	799	799
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)